Signature Not Verified
Được ký bởi TRẦN MINH SƠN
Ngày ký: 20.01.2014 17:53

TCTY CN XI MĂNG VIỆT NAM
C.TY CP XM VICEM HOÀNG MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72 /XMHM-TCKT
V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính Quý IV năm 2013

Hoàng Mai, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (0383) 866 170 Fax: (0383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trương Quốc Huy
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính Quý IV năm 2013 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 16/01/2014 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2012)

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I NĂM 2013 SO VỚI QUÝ I NĂM 2012

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ I NĂM 2013

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 16 tháng 04 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**675,213,309,491**	**713,279,600,128**
I. Tiền	**110**	4	**209,424,641,432**	**101,497,734,557**
1.Tiền	111		209,424,641,432	101,497,734,557
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**5,220,174,650**	**27,355,000,000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	5,220,174,650	27,355,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**128,824,664,040**	**157,139,633,834**
1. Phải thu của khách hàng	131		119,396,209,158	143,758,967,584
2. Trả trước cho người bán	132		10,319,128,164	9,407,173,717
5. Các khoản phải thu khác	135	6	1,871,378,730	6,631,931,865
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,762,052,012)	(2,658,439,332)
IV. Hàng tồn kho	**140**	7	**326,713,947,742**	**422,436,692,723**
1. Hàng tồn kho	141		329,221,295,347	425,014,596,128
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,507,347,605)	(2,577,903,405)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5,029,881,627**	**4,850,539,014**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1,665,514,949	2,376,227,167
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		426,134,082	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2,938,232,596	2,474,311,847
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+26	**200**		**1,329,555,954,221**	**1,431,552,541,517**
II. Tài sản cố định	**220**		**1,273,746,150,275**	**1,376,190,622,207**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1,255,480,848,297	1,370,082,259,248
- Nguyên giá	*222*		*2,764,903,701,872*	2,760,807,209,510
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1,509,422,853,575)*	(1,390,724,950,262)
3. Tài sản cố định vô hình	227		898,815,345	230,037,420
- Nguyên giá	*228*		*1,361,153,370*	516,315,370
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(462,338,025)*	(286,277,950)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17,366,486,633	5,878,325,539
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**55,809,803,946**	**55,361,919,310**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	55,031,116,667	55,361,919,310
2. Tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		778,687,279	-
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2,004,769,263,712**	**2,144,832,141,645**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 =310+330)	**300**		**1,157,860,905,956**	**1,213,163,238,055**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**916,921,903,875**	**871,445,089,006**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	653,726,653,286	607,069,780,331
2. Phải trả cho người bán	312		139,035,782,293	150,730,387,205
3. Người mua trả tiền trước	313		9,711,123,307	2,537,154,168
4. Thuế &các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	9,197,520,459	18,306,097,827
5. Phải trả người lao động	315		18,143,599,809	22,779,196,133
6. Chi phí phải trả	316	15	32,029,428,710	27,719,043,686
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	49,760,080,083	31,004,092,645
11.Qũy khen thưởng phúc lợi	323		5,317,715,928	11,299,337,011
II. Nợ dài hạn	**330**		**240,939,002,081**	**341,718,149,049**
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	220,272,555,129	326,227,277,494
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		20,666,446,952	15,490,871,555
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**846,908,357,756**	**931,668,903,590**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	18	**846,908,357,756**	**931,668,903,590**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		720,000,000,000	720,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19,138,086,811	19,138,086,811
4. Cổ phiếu quỹ	414		(28,199,462,462)	(28,199,462,462)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		106,584,633,283	85,906,072,577
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		27,750,379,292	22,114,914,693
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,634,720,832	112,709,291,971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2,004,769,263,712**	**2,144,832,141,645**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ 01/09 đến 31/12/2013

MẪU SỐ B02a-DN
ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Qúy IV/2012	Qúy IV/2013	Năm 2012	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**19**	**504,195,860,271**	**482,909,972,915**	**1,650,775,529,903**	**1,623,731,697,168**
2. Các khoản giảm trừ	02		37,195,370,986	18,061,292,697	124,199,851,886	61,925,515,503
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**467,000,489,285**	**464,848,680,218**	**1,526,575,678,017**	**1,561,806,181,665**
4. Giá vốn hàng bán	11	20	341,934,281,521	382,972,037,633	1,168,408,507,847	1,339,468,793,807
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**125,066,207,764**	**81,876,642,585**	**358,167,170,170**	**222,337,387,858**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1,047,258,837	802,436,049	4,344,283,821	3,255,958,755
7. Chi phí tài chính	22	22	24,601,799,994	17,848,554,966	103,665,209,517	73,701,445,559
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		24,508,788,742	17,587,396,761	103,372,878,328	73,123,605,784
8. Chi phí bán hàng	24		14,678,766,026	33,425,982,815	65,727,433,327	79,299,185,176
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20,670,831,702	29,465,486,848	65,393,479,320	69,018,001,064
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	**30**		**66,162,068,879**	**1,939,054,005**	**127,725,331,827**	**3,574,714,814**
11. Thu nhập khác	31		3,051,078,943	2,373,273,159	7,971,544,564	5,826,575,510
12. Chi phí khác	32		948,616,890	338,681,408	3,237,993,368	1,865,065,891
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**2,102,462,053**	**2,034,591,751**	**4,733,551,196**	**3,961,509,619**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**68,264,530,932**	**3,973,645,756**	**132,458,883,023**	**7,536,224,433**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	7,532,789,333	-	14,573,972,274	725,928,204
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2,587,809,384	2,587,809,389	5,175,618,778	5,175,575,397
17. Lợi nhuận sau thuê (60=50-51-52)	**60**		**58,143,932,215**	**1,385,836,367**	**112,709,291,971**	**1,634,720,832**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**24**	**840**	**20**	**1,628**	**24**

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2013 của công ty lãi 1,38 tỷ đồng, giảm 98% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 (LNST Qúy IV năm 2012 là 58 tỷ đồng) là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ quý IV/2013 giảm 8,7% so với quý IV/2012; Sản lượng Clinker, xi măng sản xuất giảm.
- Giá bán xi măng bình quân sau chiết khấu giảm.
- Giá vật tư đầu vào tăng, đặc biệt là nhiên liệu (Dầu Diezen tăng 2,4%, điện tăng 10%).

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

http://www.ximanghoangmai.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:2900326295 - C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
TX.HOÀNG MAI-T.NGHỆ AN

Trương Quốc Huy